TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-4-2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đại

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Xuân, ông Trịnh Ngọc Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 550/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **T,** sinh năm 1960

Địa chỉ: Tổ 2, Ấp 3, xã Đ, huyện P, tỉnh Đồng Nai

- Bị đơn: Bà **L,** sinh năm 1964

Địa chỉ: Tổ 2, Ấp 3, xã Đ, huyện P, tỉnh Đồng Nai.

(*Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Ngô Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà L tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1981, nhưng đến năm 2017 mới đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10-4-2017.

Sau khi tiến tới hôn nhân, vợ chồng sống ở xã Đ. Trong quá trình chung sống với nhau thì cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân

phát sinh mâu thuẫn là do bà L không tôn trọng ông, hay lớn tiếng mắng chửi và từng có hành vi cầm dao đe dọa ông. Ông đã cố gắng chịu đựng nhưng bà L vẫn không thay đổi. Hiện nay vợ chồng vẫn còn sống chung nhà nhưng giữa ông và bà L không còn yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Nay bản thân ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông T, bà L có 02 con chung là Ngô Ngọc PH, sinh ngày 28-02-1983 và Ngô Ngọc PH1, sinh ngày 10-02-1988. Hiện nay các con chung đã thành niên, có khả năng lao động không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Ông T trình bày ông bà tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà L không đến Tòa án tham gia tố tụng, khi Tòa án đến trực tiếp tại địa phương thì không gặp được bà L, nên không thu thập được lời khai của bị đơn.

Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho bị đơn và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình; bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T. Về hôn nhân: Cho ông T được ly hôn với bà L. Về con chung: Ông T, bà L có 02 người con chung là Ngô Ngọc PH, sinh ngày 28-02-1983 và Ngô Ngọc PH1, sinh ngày 10-02-1988, hiện nay các con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có tranh chấp.

- Về án phí: Ông T được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bà Lê Thị Kim L có nơi cư trú tại xã Đ, huyện P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ông Ngô Ngọc T khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bà L. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định tư cách đương sự ông T là nguyên đơn và bà L là bị đơn, quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa ông T và bà L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy, hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Xét lời khai của ông T và tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Ông T trình bày vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, bà L không tôn trọng ông nên vợ chồng đã không còn tình cảm và không quan tâm, chăm sóc nhau nữa nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L.

Bản thân bà L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến ông T, không có thiện chí đoàn tụ gia đình. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án về tình trạng hôn nhân tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác cũng thể hiện phù hợp với lời khai của nguyên đơn.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, ông T và bà L đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con: Ông T, bà L có 02 con chung là Ngô Ngọc PH, sinh ngày 28-02-1983 và Ngô Ngọc PH1, sinh ngày 10-02-1988. Các con chung

đã thành niên và có đủ khả năng lao động tự nuôi bản thân, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]Về tài sản: Ông T trình bày tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà L không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung, nợ chung và không có yêu cầu phản tố. Vì vậy, Hội đồng xét xử tách phần tài sản ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Ông T là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Ngọc T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Ngô Ngọc T được ly hôn với bà Lê Thị Kim L.

- Về nuôi con: Ông T và bà L có 02 con chung là Ngô Ngọc PH, sinh ngày 28-02-1983 và Ngô Ngọc PH1, sinh ngày 10-02-1988. Các con chung đã thành niên và có đủ khả năng lao động tự nuôi bản thân, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng không xem xét, giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Phần tài sản chung và nợ chung của các đương sự sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

2. Về án phí: Ông T là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí Tòa án theo quy định.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Đ (Số 36, ngày 10-4-2017) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bá Đại